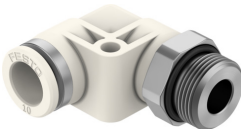


**Mối nối vít cắm L**  
**NPQO-L-G38-Q10-P5**  
 Số bộ phận: 8203310

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                 |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| Chiều rộng định mức                             | 8 mm                                                                                    |
| Độ sâu chèn ống                                 | 20.1 mm                                                                                 |
| Loại đệm kín trên ngông vận vít                 | Vòng O                                                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                  |
| Thiết kế                                        | Hình chữ L                                                                              |
| Kích cỡ gói                                     | 5                                                                                       |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                                      |
| Các biến thể                                    | với lỗ gắn                                                                              |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.09 MPA...0.3 MPA<br>-0.9 bar...3 bar<br>-13.05 psi...43.5 psi                        |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.09 MPA...1.2 MPA<br>-0.9 bar...12 bar<br>-13.05 psi...174 psi                        |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ<br>Carbon dioxide<br>Khí<br>Ôxy<br>Nitơ |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                  |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                                      |
| Phù hợp với thực phẩm                           | xem thông tin tài liệu bổ xung                                                          |
| Nhiệt độ trung bình                             | 0 °C...120 °C                                                                           |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | 0 °C...60 °C                                                                            |
| Tương thích sinh học theo tiêu chuẩn            | ISO 18562                                                                               |
| Báo cáo độ sạch bề mặt theo tiêu chuẩn          | ASTM G93<br>ISO 15001                                                                   |
| Mức độ tạp chất hydrocacbon tối đa              | 550 MGM                                                                                 |
| Mô-men xoắn siết tối đa                         | 10 N m                                                                                  |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 9 N m                                                                                   |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 10 %                                                                                  |
| trọng lượng sản phẩm                            | 41.79 g                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài G3/8                                                                          |

| Đặc tính                                  | Giá trị                   |
|-------------------------------------------|---------------------------|
| Cổng nối khí nén 2                        | cho ống mềm Ø ngoài 10 mm |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh Fahrenheit | 32 °F...140 °F            |
| Màu vòng nhả                              | trắng                     |
| Vật liệu ngông vận vít                    | thép hợp kim không gỉ     |
| Ghi chú vật liệu                          | Tuân thủ RoHS             |
| Vật liệu vỏ                               | PVDF                      |
| Vật liệu vòng bít ren                     | FPM                       |
| Vật liệu vòng nhả                         | PVDF                      |
| Vật liệu vòng đệm chữ O                   | FPM                       |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm             | FPM                       |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                     | thép không gỉ hợp kim cao |
| Vòng hỗ trợ vật liệu                      | PVDF                      |